

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2022/HC-PT

Ngày: 21 - 4 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhứt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 502/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 20/2021/HC-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2022/QĐPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/ Ông Bùi Thanh N, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số 224, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Bà Bùi Thị V, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Bùi Thanh N, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số 224, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2022)

- *Người bị kiện:*

1/ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt)

2/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huy C - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tỉnh Long An (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 223, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Ông Dương Văn P, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 223, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1, ông P: Ông Nguyễn Văn Luân, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B1, xã M, huyện G, tỉnh Long An

(Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2021)

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn P, bà Phạm Thị N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2020 và lời trình bày của ông Bùi Thanh N, bà Bùi Thị V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung như sau:

Năm 1968, ông Dương Văn Q (ông ngoại ông N, bà V) cho mẹ của ông bà là bà Dương Thị M sử dụng hai thửa đất số 525 và 526 tờ bản đồ số 03, diện tích 1000m², bà M làm nhà ở từ đó đến nay. Năm 1995 bà M được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 329542 thửa 525 diện tích 500m² loại đất thổ và thửa 526 diện tích 500m² loại đất rừng tự nhiên, hàng năm bà M thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước đầy đủ. Đến năm 2003 thực hiện dự án đo đạc nâng cấp tỷ lệ bản đồ nên thửa 525 và 526 với thửa 527, 528 của bà N1 gộp chung thành thửa 116, bà N1 nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T hủy giấy của bà M để công nhận cho bà N1 toàn bộ thửa 116, sau đổi thành thửa 95 có diện tích 4.676m². Ủy ban nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh, bà N1 thừa nhận bà M sử dụng các phần đất trên từ năm 1968 đến nay. Do bà N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 95 năm 2013, đến tháng 6/2020 bà N1 làm thủ

tục tặng cho con là Dương Văn P thừa số 95 trong đó có phần diện tích 1000m² thuộc thửa đất số 525 và 526 của bà Dương Thị Muối, do bà M đã chết vào ngày 23/8/2017 nên ông N, bà V khởi kiện yêu cầu hủy trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn P ngày 14/7/2020, trong đó có phần diện tích 1000m² thuộc thửa đất số 525 và 526 của bà Dương Thị Muối, đồng thời hủy một phần quyết định hành chính có liên quan là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 95 (theo bản đồ mới) .

Tại Văn bản số 761/UBND-KT ngày 15/3/2021, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An trình bày có nội dung như sau:

Năm 1993, khi thực hiện việc đo đạc xác lập bản đồ địa chính để tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu của trung ương (giấy đỏ), bà Dương Thị M đăng ký và được xác lập trong sổ mục kê 1993 gồm hai thửa đất 525 và 526. Năm 1995 bà M được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 329542 đối với hai thửa đất trên. Bà Phạm Thị N1 sử dụng các thửa đất xung quanh 02 thửa đất 525 và 526, cuối năm 1993 bà N1 đăng ký các thửa đất bà đang sử dụng có trong sổ mục kê. Ngày 23/3/1995 bà N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 329562 không có thửa 525 và 526.

Năm 2003, khi thực hiện việc đo nâng cấp tỷ lệ bản đồ mới trên địa bàn xã Đức Tân thì 02 thửa đất 525 và 526 của bà Dương Thị M đã gộp cùng 02 thửa đất 527, 528 của bà N1 thành thửa đất 116, diện tích 5160m², loại đất LN, tờ bản đồ số 23, ngày 18/4/2003 bà N1 được cấp quyền sử dụng số W 450986 đối với thửa đất 116.

Năm 2013, khi thực hiện đo đạc mới bản đồ địa chính theo quyết định số 3102/QĐ -UBND ngày 03/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An thửa đất 116 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450986 cấp cho bà Phạm Thị N1 ngày 18/4/2003 được đổi thành thửa 95 diện tích 4676m², loại CLN, tờ bản đồ số 23, bà N1 thực hiện việc cấp đổi và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số BN 608367 ngày 17/6/2013 đối với thửa đất số 95.

Năm 2017, bà N1 kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Dương Thị M và được Thanh tra huyện T xác minh làm rõ nội dung đơn và kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M vào năm 1993 đối với hai thửa đất 525, 526 là đúng và phù hợp với qui định của pháp luật. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phạm Thị N1 vào năm 2003 và 2013 có sai sót, không đúng thực tế sử dụng đất.

Từ kết quả thanh tra và hồ sơ lưu trữ, Ủy ban nhân dân huyện T kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị N1 là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất.

Năm 2020 bà Phạm Thị N1 làm thủ tục tặng cho ông Dương Văn P đối với thửa đất 95, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m², Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T có sơ suất trong quá trình thẩm định hồ sơ nên đã thực hiện chuyển quyền cho ông Dương Văn P bằng hình thức chỉnh lý trên trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/7/2020.

- *Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T có ý kiến như sau:* Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện thống nhất với nội dung trình bày của Ủy ban nhân dân huyện T, sở dĩ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cho chuyển quyền từ bà N1 sang cho ông P là lúc đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký không nhận được kết luận của Thanh tra huyện, tại phiên tòa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T vẫn xác định do việc cấp quyền sử dụng đất cho bà N1 là sai, dẫn đến việc cho bà N1 chuyển quyền sang cho ông P là sai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn P và bà Phạm Thị N1 trình bày:* Ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N, bà V vì đất của ông Dương Văn Q (cha chồng bà N1) cho chồng bà N1 là Dương Văn Trứ ở từ năm 1968. Do trước đây bà M không có nhà ở nên ông Trứ và bà N1 có cho bà M ở nhờ, nhưng phía bà M và con bà M cất nhà ở lấn dần sang phần đất của bà như hiện nay, năm 2003 bà N1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho đến năm 2013 bà N1 đã được chuyển đổi giấy mới và năm 2020 bà N1 làm thủ tục tặng cho con là ông Dương Văn P nên bà N1 và ông P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N, bà V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Thanh N và bà Bùi Thị V.

Hủy chỉnh lý trên trang 4 quyền sử dụng đất số BN 608367 ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T từ bà Phạm Thị N1 sang ông Dương Văn P đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450986 cấp ngày 18/4/2003 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 608367 cấp ngày 17/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/3/2021 và 01/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn P, bà Phạm Thị N1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị N1, ông Dương Văn P (đều do ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện với lý do nguồn gốc đất có liên quan đến khiếu kiện là của ông Dương Văn Q (cha chồng bà N1) cho ông Dương Văn T1 (chồng bà N1), sau đó ông T1 bà N1 cho bà Dương Thị M (mẹ của ông N, bà V) ở nhờ. Mặt khác, năm 1990 bà M chỉ có 400m² đất thổ nhưng đến năm 1995 bà M lại được cấp 500m² đất thổ là không đúng.

Người khởi kiện là ông Bùi Thanh N, bà Bùi Thị V (có ông Bùi Thanh N đại diện theo ủy quyền) thống nhất không đồng ý yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bị kiện là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T, tỉnh Long An (có ông Lê Huy C đại diện theo ủy quyền) không đồng ý yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P bà N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, vắng mặt. Căn cứ vào Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, năm 1995, bà Dương Thị M (mẹ ông Bùi Thanh N, bà Bùi Thị V) được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 525, 526 tờ bản đồ số 3. Năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện dự án đo đạc nâng cấp tỷ lệ bản đồ nên gộp 04 (bốn) thửa 525, 526, 527, 528 thành thửa 116, và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 116 cho bà Phạm Thị N1. Năm 2013, thửa 116 đổi thành thửa 95 có diện tích 4.676m², được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1. Năm 2020, bà N1 làm thủ tục tặng cho phần đất thửa 95 cho ông Dương Văn P. Ngày 14/7/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã cập nhật biến động sang tên ông P trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N, bà V cho rằng trong thửa 95 có 1.000m² đất thuộc thửa 525, 526 của bà M đã bị Ủy ban nhân dân huyện T cấp chồng vào phần đất của bà N1, nên khởi kiện yêu cầu: Hủy trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn P ngày 14/7/2020; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 95 (theo bản đồ mới).

[3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 95, được cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450986 ngày 18/4/2003, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà N1. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giấy chứng nhận số W 450986 khi giải quyết vụ án, do có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định pháp luật.

[4] Nguồn gốc thửa đất 525, 526 tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện T trước đây do ông Dương Văn Q quản lý, sử dụng. Năm 1968, ông Quý cho bà Dương Thị M phần đất trên để cất nhà ở cùng các con, trong quá trình sử dụng bà M đứng tên trong sổ mục kê và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Ngày 23/3/1995, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 329542, diện tích 10746m², trong đó có thửa đất 525, tờ bản đồ số 3, diện tích 500m² loại đất thổ và thửa 526, tờ bản đồ số 3, diện tích 500m², loại đất rừng tự nhiên (RTN), bà M cùng ông N cất nhà ở, đến tháng 8/2017 bà M chết, ông N tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay.

[5] Bà Phạm Thị N1 sử dụng 02 (hai) thửa đất 527 và 528 liền kề với thửa 525 và 526. Ngày 23/3/1995, bà N1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 329562 đối với 09 thửa đất nhưng không có thửa 525 và 526. Năm 2003 khi thực hiện việc đo đạc nâng cấp tỷ lệ bản đồ mới trên địa bàn xã Đức Tân thì 02 thửa đất 525 và 526 của bà M đã gộp cùng 02 thửa đất 527, 528 của bà N1 thành thửa đất 116, tờ bản đồ số 23, diện tích 5160m², loại đất LN. Ngày 18/4/2003, bà N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450986 đối với thửa đất 116.

Năm 2013, khi thực hiện đo đạc mới bản đồ địa chính theo Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 03/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, thửa đất

116 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450986 nêu trên được đổi thành thửa 95, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m², loại CLN, bà N1 thực hiện việc cấp đổi và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 608367 ngày 17/6/2013.

[6] Tại Báo cáo số 31/BC-TTr ngày 12/4/2017 của Thanh tra huyện T đã kết luận: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 cho bà Dương Thị M là đúng và phù hợp quy định pháp luật. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phạm Thị N1 năm 2003 và năm 2013 có sai sót, không đúng thực tế sử dụng đất. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, Thanh tra đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các thủ tục tiến hành thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2003 và năm 2013 cho bà N1.

[7] Từ phân tích tại mục [3] – [6], bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà V về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450986 cấp ngày 18/4/2003 và số BN 608367 cấp ngày 17/6/2013, cho bà N1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[8] Ông Dương Văn P được cập nhật biến động sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông qua giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất từ bà N1 sang ông P vào năm 2020. Xét, thời điểm bà N1 làm thủ tục tặng cho ông P thì đã có kết luận của cơ quan thanh tra xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 608367 cấp ngày 17/6/2013 cấp cho bà N1 là không đúng. Do đó, việc cập nhật biến động sang tên ông P trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 608367 ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T là không đúng quy định pháp luật. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà V về việc hủy cập nhật biến động này là có căn cứ.

[9] Đối với giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N1 với ông P: như phân tích tại mục [8], bà N1 đã biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là không đúng nhưng năm 2020, bà N1 vẫn tiến hành thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông P. Trong phạm vi vụ án hành chính, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với giao dịch tặng cho này. Trong trường hợp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng thì những người có liên quan trong giao dịch này có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N bà V là đúng quy định pháp luật. Bà N1, ông P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị N1 sinh năm 1948 là người cao tuổi nên được miễn; ông Dương Văn P phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn P và bà Phạm Thị N1. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng vào khoản 2 Điều 2, Điều 20 của Luật Đất đai 1993; Điều 10, Điều 32, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; và Điều 5, Điều 99, Điều 100 của Luật Đất đai 2013; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Thanh N và bà Bùi Thị V.

Hủy chính lý trên trang 4 quyền sử dụng đất số BN 608367 ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T từ bà Phạm Thị N1 sang ông Dương Văn P đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450986 cấp ngày 18/4/2003 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 608367 cấp ngày 17/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 23, diện tích 4676m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Dương Văn P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã

nộp theo biên lai thu số 0003103 ngày 30/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

- Bà Phạm Thị N1 được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP(5), 17b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình